TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **39**/2021/DS-PT
Ngày: 06/4/2021
V/v: T/c đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu

Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Thu Hương

Ông Nguyễn Trung Hưng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Mạnh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà Vũ Thị Hồng Uyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 234/2020/TLPT-DS ngày 26 tháng 11 năm 2020 về "*Tranh chấp đòi lại tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 110/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 42/2021/QĐXX-PT ngày 19 tháng 3 năm 2021.

- Nguyên đơn: Bà Mai Thị M, sinh năm 1946.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà M: Ông Tống Xuân Th, sinh năm 1973. (Văn bản ủy quyền ngày 19/3/2019).

Cùng địa chỉ: 142C/11, Khu phố X, phường T, TP. B, tỉnh Đồng Nai

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà M: Luật sư Nguyễn Thị Kim H1 - Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà Mai Thị M1, sinh năm 1947.

Địa chỉ: Số nhà F27, khu dân cư khu phố Y, phường T1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà M1: Ông Lê V, sinh năm 1971.

Địa chỉ: 183/46, Nguyễn Văn Đ, phường Z, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/6/2019).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Tống Xuân H, sinh năm 1946.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông Học: Ông Tống Xuân Th, sinh năm 1973. (Văn bản ủy quyền ngày 18/9/2020)

Cùng địa chỉ: Số nhà 142C/11, Khu phố X, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông Th, luật sư Hoa, ông Vũ có mặt, các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, ông Tống Xuân Th - người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Mai Thị M trình bày:

Vào tháng 05/2012, bà Mai Thị M1 là em gái của bà Mai Thị M rủ bà M chơi hụi. Do tuổi cao, không hiểu biết nhiều và cũng do tin tưởng bà M1, nên bà M đã đồng ý chơi hụi với bà M1, cụ thể như sau:

- Dây thứ nhất: Tham gia từ tháng 5/2012 đến tháng 5/2013. Hàng tháng bà M đóng tiền cho bà M1 là 1.050.000đ, tổng số tiền đã đóng là 12.600.000đ.

- Dây thứ hai: Từ tháng 5/2012 đến tháng 5/2013, số tiền bà M đã đóng cho bà M1 là 12.600.000đ.

- Dây thứ ba: Từ tháng 9/2012 đến tháng 12/2013 số tiền đóng hàng tháng là 1.000.000đ, tổng số tiền đã đóng là 16.000.000đ.

- Dây thứ tư: Từ tháng 5/2013 đến tháng 12/2013, số tiền đóng hàng tháng là 2.100.000đ, tổng tiền đã đóng là 12.600.000đ.

Như vậy, tổng cộng 04 dây hụi trên bà M đã đóng cho bà M1 là 53.800.000đ.

Sau khi tham gia chơi hụi được một thời gian, bà M phát hiện ra tất cả các dây hụi trên do bà M1 chơi và đã hốt hụi đầu tiên, sau đó bà M1 rủ bà M chơi để thế chân bà M1 đóng tiền hụi chết, mục đích bắt bà M gánh hụi chết hàng tháng cho bà M1. Trước đó bà M không biết việc này, nên vẫn đóng hụi đều hàng tháng, nhưng sau đó mới biết bị bà M1 lừa gạt. Vì vậy, ngày 4/4/2019, bà M đơn khởi kiện yêu cầu bà M1 trả lại số tiền đã đóng là 53.800.000đ và tiền lãi theo quy định của Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2015. Tiền lãi được tính từ năm 2012 đến ngày xét xử sơ thẩm là 53.800.000đ x 13,5%/tháng x 7 năm = 50.841.000đ. Tổng số tiền bà M1 phải trả là: 104.641.000đ.

Ngày 01/6/2020 bà M có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ buộc bà M1 trả lại số tiền gốc đã đưa là 53.700.000đ, không yêu cầu tính lãi suất.

Số tiền bà M đưa cho bà M1 đóng hụi là tiền của vợ chồng bà M1 và ông Tống Xuân H, nên ông Học là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Bị đơn bà Mai Thị M1 do ông Lê V đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Mai Thị M1 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị M, vì tiền hốt hụi của 04 dây hụi trên đã được bà M1 giao đầy đủ cho bà M. Việc này đã thể hiện trong 04 tờ chứng cứ mà bà M giao nộp cho Toà án. Các số liệu liên quan đến số tiền bà M đã nhận của 4 dây hụi trên, đều nằm trong sổ riêng của bà M và đã được giao nộp cho Toà án nhân dân Thành phố Biên Hoà trong vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" do bà M1 là nguyên đơn, bà M là bị đơn, vụ án đã được Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật. Do đó, bà M1 chỉ có thể cung cấp các tài liệu chứng cứ được pho to lại từ vụ án kia chứ không cung cấp được bản chính và những tài liệu photo được này bà M1 cũng đã nộp cho Quý Tòa.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Tống Xuân H – do ông Tống Xuân Th đại diện theo ủy quyền trình bày:

Thống nhất với toàn bộ lời trình bày của phía bên nguyên đơn và đại diện theo uỷ quyền của phía nguyên đơn.

Bản án số 110/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B đã áp dụng Điều 255, 256, 290 Bộ luật dân sự 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án; Luật người cao tuổi năm 2009, tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị M về việc kiện đòi bà Mai Thị M1 trả số tiền 53.700.000đ.

- Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn phải chịu chi phí giám định chữ ký 1.875.000đ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Nguyên đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

Ngày 12/10/2020 nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Quan điểm của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà M: Trong ba dây hụi (bút lục từ số 68 - 70), bà M chơi với bà M1 thể hiện bà M hốt hụi, nhưng thực tế bà M1 không giao hụi cho bà M mà hàng tháng bà M vẫn phải đóng hụi chết. Theo các chứng cứ bà M cung cấp tại cấp phúc thẩm thì 4 lần bà M ăn hụi đã bị bà M1 trừ vào nợ bà M nợ bà M1, nhưng không cụ thể nợ nào. Tại biên bản đối chất, bà M1 cũng thừa nhận tiền ăn hụi của bà M đã bị bà M1 trừ vào tiền nợ là không đúng.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Mai Thị M khởi kiện yêu cầu đòi lại tiền chơi hụi từ năm 2012 đến năm 2013 gồm 4 dây hụi với tổng số tiền của 4 dây hụi là 53.800.000 đồng. Việc hốt hụi và trừ tiền hụi vào số tiền bà M nợ bà M1 là có căn cứ, thể hiện trong chứng cứ cung cấp cho Tòa án là 05 cuốn sổ theo dõi nợ vay, nợ hụi do bà M lập, trong đó có 03 dây hụi đang tranh chấp được cắt ra từ quyển số 5 (bút lục 68 - 70). Trong 05 cuốn sổ ghi chi tiết những lần bà M nhận tiền ăn hụi từ bà M1, sau đó trừ vào tiền nợ của bà M với bà M1. Như vậy, bà M phải đóng hụi chết là đúng. Cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, việc bà M cho rằng không được nhận tiền nhưng vẫn phải đóng hụi chết cho bà M1 là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS, không chấp nhận kháng cáo của bà M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Kháng cáo của bà Mai Thị M làm trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] **Về nội dung:**

Qua chứng cứ và lời khai của các đương sự thể hiện: Bà Mai Thị M tham gia chơi 02 dây hụi do bà Mai Thị M1 làm chủ (trong đó có 01 dây bà M chơi 2 phần) và bà M1 chơi giùm bà M 01 dây hụi do bà Quy làm chủ. Cả 03 dây hụi này bà M đều đã hốt hụi và các dây hụi này đều đã mãn hạn hụi gồm:

Dây hụi mở tháng 5/2012, gồm 13 phần, mỗi phần 1.000.000đ hụi sống, sau khi hốt hụi thì đóng hụi chết là 1.050.000đ/phần, bà M chơi 02 phần và đã hốt hụi vào tháng 5/2012 được 12.000.000đ và tháng 7/2012 được 12.000.000đ (bút lục 68 mặt trước và mặt sau); Hụi cô Quy mở tháng 9/2012 gồm 16 phần, mỗi phần 1.000.000đ, bà M nhờ bà M1 chơi giùm 01 phần và đã hốt hụi tháng 9/2012 được 12.625.000đ (bút lục 69); Hội gia đình trong năm 2013 gồm 13 phần, mỗi phần 1.000.000đ, bà M tham gia 01 phần và hốt đầu tiên là tháng 5/2013 được 12.000.000đ (bút lục 70). Bà Mai Thị M cho rằng mình đã hốt hụi, nhưng bà M1 không giao hụi cho bà mà trừ vào nợ do bà M vay của bà M1, nên thực tế bà chưa nhận hụi mà hàng tháng vẫn phải đóng hụi chết, nên khởi kiện yêu cầu bà M1 trả lại tiền hụi chết đã đóng với tổng số tiền là: 52.600.000 đồng.

Xét yêu cầu của bà M không có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ chính bà M cũng thừa nhận đã được hốt hụi và bà M1 trừ vào số tiền bà M đang nợ bà M1. Các chứng cứ bà M cung cấp cho Tòa án gồm 05 cuốn sổ theo dõi nợ vay, nợ hụi do

bà M lập ra trong đó thể hiện 03 dây hụi đang tranh chấp được cắt ra từ sổ số 05 (bút lục 68 đến 70), trong các chứng cứ này đều thể hiện bà M đã hốt hụi. Mặt khác, trong 05 cuốn sổ do bà M nộp, còn thể hiện chi tiết những lần bà M nhận tiền ăn hụi từ bà M1, sau đó trừ vào nợ của bà M với bà M1 cụ thể: Hụi tháng 5/2012, bà M hốt hụi được 12.000.000 đồng, nhưng trừ vào tiền bà M còn nợ bà M1 147.370.000đ (trang 8, 18 cuốn sổ số 4 – bút lục 242, 247); tháng 7/2012 bà M hốt hụi được 12.000.000 đồng, trừ vào tiền bà M còn nợ bà M1 (trang 20 cuốn sổ số 4 - bút lục số 241); Hụi Quy tháng 9/2012, bà M hốt tháng 9 được 12.625.000 đồng, trừ vào tiền còn nợ bà M1 (trang số 9, 10 sổ số 5 - bút lục số 262, 263); Hụi gia đình tháng 05/2013, bà M hốt đầu được 12.000.000 đồng, trừ vào tiền bà M còn nợ bà M1 133.960.000 đồng (trang 13, 14 cuốn sổ số 5 - bút lục 256). Đến ngày 05/12/2013 hai bên chốt nợ, thì bà M còn nợ bà M1 là 123.960.000 đồng và bà M đã ký tên trong giấy chốt nợ (trang số 2 sổ số 3 - bút lục 237).

Do đã hốt hụi (ăn hụi), nên bà M phải đóng hụi chết là đúng, cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà M với bà M1 về yêu cầu đòi lại tiền hụi chết đã đóng là có căn cứ pháp luật. Bà M kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ, nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Bà M được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Quan điểm của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Mai Thị M, giữ nguyên bản án sơ thẩm về đường lối giải quyết, sửa bản án về quan hệ pháp luật.

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự 2005. Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/2/2019 của Chính phủ về Hụi, họ, biêu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án; Luật người cao tuổi năm 2009.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị M về việc kiện đòi bà Mai Thị M1 trả số tiền hụi chết đã đóng là 52.600.000đ.

- Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định chữ ký bà Mai Thị M phải chịu 1.875.000đ (đã nộp xong).

- Về án phí: Bà M được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân thành phố B;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B;
- Đương sự;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Vũ Thị Thu